

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HT
TỈNH BT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25 /2021/HNGĐ-ST

Ngày: 11.6.2021

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HT**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ph Đ Kh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị N và bà Trần Thị Ng

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Th – Thư ký Tòa án nhân dân huyện HT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HT, tỉnh B T tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Thị Kim Tr – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện HT, tỉnh BT xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 32/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2021, về việc: “*Tranh chấp ly hôn*,” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2021/QĐXX- HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2021/QĐST- HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm: 1969. Địa chỉ: Đội 7, thôn ĐT, xã TH, huyện HT, tỉnh BT. (vắng mặt).

- Ông Lê Văn T, sinh năm: 1964. Địa chỉ: Đội 7, thôn ĐT, xã TH, huyện HT, tỉnh BT. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Lê Thị T trình bày:

Giữa bà Lê Thị T và ông Lê Văn T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1993 nhưng làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã TH ngày 22/5/1997. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Nguyên nhân là do ông Lê Văn T có lối sống gia trưởng, độc đoán, ích kỷ, không lo cho gia đình, không có trách nhiệm gì với gia đình. Khoảng hơn 01 năm trở lại đây, ông T thuê xe ô tô 7 chỗ với giá 15.000.000đồng/tháng để chở các thành viên trong hội nhảy múa trong các đêm nhạc quanh khu vực, dẫn đến thua lỗ, bán đất đai trong gia đình; Khi bà T góp ý trả xe thì ông T la mắng, chửi bới, hăm dọa bà T nên bà không thể sống chung được.

Do đó, từ khoảng tháng 02/2021 đến nay, bà T đã vào thành phố HCM để chung sống với các con nhưng ông T vẫn thường xuyên gọi điện thoại hăm dọa, bắt bà T phải về để hầu hạ, phục vụ cho ông T. Nay không thể sống chung với ông T được nữa, không dám gặp mặt ông T và bà T đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Văn T.

Về con chung: Tất cả đều trên 18 tuổi và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Lê Thị T tự nguyện chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bị đơn ông Lê Văn T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, không trình bày ý kiến và cũng không tham gia phiên tòa.

Đại diện VKSND huyện Hàm Tân tham gia phiên tòa phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thu thập chứng cứ giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng và đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng. Đối với đương sự thì nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa; Bị đơn là ông Lê Văn T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án tiếp tục xét xử vụ án là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, thấy rằng giữa bà Lê Thị T và ông Lê Văn T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1993 nhưng làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã TH ngày 22/5/1997. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Nguyên nhân là do ông Lê Văn T có lối sống gia trưởng, độc đoán, ích kỷ, không lo cho gia đình, không có trách nhiệm gì với gia đình và khi bà T góp ý thì ông T chửi mắng bà nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể tiếp tục sống chung được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà Lê Thị T ly hôn với ông Lê Văn T.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HT tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy;

[1] *Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của tòa án:* Hội đồng xét xử thấy rằng đây là tranh chấp ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện HT.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Hơn nữa, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn là ông Lê Văn T không trình bày ý kiến và cũng không tham gia tố tụng nên xác định bị đơn đã từ bỏ các quyền tham gia tố tụng của mình. Do đó, tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về hôn nhân*: Theo lời trình bày của nguyên đơn cũng như các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, xác định giữa bà Lê Thị T và ông Lê Văn T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1993 nhưng làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã TH ngày 22/5/1997. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Nguyên nhân là do ông Lê Văn T có lối sống gia trưởng, độc đoán, ích kỷ, không lo cho gia đình, không có trách nhiệm gì với gia đình. Thậm chí, ông T la mắng, chửi bới, hăm dọa bà T nên bà không thể sống chung được và bà T đã vào thành phố HCM để chung sống với các con từ khoảng tháng 02/2021 đến nay. Nay không thể sống chung với ông T được nữa nên bà Tiến đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Văn T.

Theo biên bản xác minh tại nơi cư trú ngày 02/4/2021, có xác nhận của UBND xã TH, đã khẳng định giữa bà Lê Thị T và ông Lê Văn T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1993 nhưng làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã TH ngày 22/5/1997. Khoảng hơn 01 tháng nay thì bà T vào thành phố HCM sinh sống, không có mặt tại địa phương là đúng sự thật. Về việc mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng thì địa phương không xác định được.

Qua xem xét một cách đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của nguyên đơn, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HT tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy: Nguyên nhân gây ra mâu thuẫn gia đình đến mức không thể sống chung với nhau được là do ông Lê Văn T có lối sống gia trưởng, độc đoán, ích kỷ, không lo cho gia đình, không có trách nhiệm gì với gia đình, la mắng, chửi bới, hăm dọa bà T nên hành vi của ông Lê Văn T đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, xét yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị T và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HT là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[4] *Về con chung*: Tất cả các con chung đều trên 18 tuổi và có khả năng lao động, nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. *Về chia tài sản và nợ chung*: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. *Về án phí*: Bà Lê Thị T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 217, Điều 218, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

-Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T.

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lê Thị T và ông Lê Văn T.

Về con chung: Các con chung đều trên 18 tuổi và có khả năng lao động; Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Bà Lê Thị T phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền số 0009417 ngày 22/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HT.

3. Án xử công khai, báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Án có hiệu lực theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

-TAND tỉnh BT;
-VKSND huyện HT;
-THA dân sự huyện HT;
-Các đương sự;
-Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ph Đ Kh